

Số: 72/2026/QĐST - DS

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 372/2026/TLST - DS ngày 27 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 27/7/2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Trụ sở chính: 300 Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội; Đại diện pháp luật: **Ông Đoàn Văn Thắng** - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện ủy quyền: **Ông Lê Văn Hùng** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc; Đại diện ủy quyền: **Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)** (Hợp đồng ủy quyền số 1349/2024/UQ.VAMC-NCB liên quan đến việc mua, bán nợ xấu của Khách hàng Trịnh Ngọc Đ và Nguyễn Thị Hồng P ngày 28/8/2024; Trụ sở chính: 25 phố Lê Đại Hành, P. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội; Đại diện pháp luật: **Bà Bùi Thị Thanh Hương** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Đại diện ủy quyền: **Bà Nguyễn Thị P Thảo** - Chức vụ: TP. Tổ tụng XLN (Theo Giấy ủy quyền số: 93/2025/UQ-HĐQT ngày 10/02/2025 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

- Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 1983, CCCD số 001083013992 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021; và chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1984, CCCD số 001184033280 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021; Đều có HKTT: Xóm 8, thôn Đình Xuyên, xã Hoà X, TP Hà Nội.

Chị P uỷ quyền cho anh Đ tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1966; CCCD số 012195356 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/12/2007; HKTT: Đội 13, thôn H, xã Hồng S, TP Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị P T, sinh năm 1985, CCCD số 0011855015520 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/12/2016; HKTT: Đội 2, thôn T2, xã Hồng S, TP Hà Nội.

+ Anh Hoàng Tiến T1, sinh năm 1985, CCCD số 001085034429 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/9/2020; HKTT: Đội 2, thôn T2, xã Hồng, TP Hà Nội.

+ Cháu Hoàng Thành An sinh ngày 30/11/2013, Hoàng Kim Anh sinh ngày

23/09/2017. Người đại diện theo pháp luật của các cháu An, cháu Anh là chị Nguyễn Thị P T và anh Hoàng Tiến T1 đều có HKTT: Đội 2, thôn T2, xã Hồng S, TP Hà Nội.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của bà L, chị T, anh T1 là anh Trịnh Ngọc Đ; sinh năm 1983, CCCD số 001083013992 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021; HKTT: Xóm 8, thôn Đình X, xã Hoà X, TP Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh Trịnh Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị Hồng P thanh toán trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam các khoản nợ tạm tính đến ngày 03/9/2026, theo Hợp đồng cho vay số 21/21/HĐCV-9340 ngày 25/12/2021 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/21/21/HĐCV-93340 ngày 28/12/2021 cụ thể như sau:

Nợ gốc: 3.290.905.151 đồng;

Lãi trong hạn: 283.081.043 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 6.925.151 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 7.187.887 đồng;

Tổng bằng: **3,588,099,232 đồng** (Ba tỷ năm trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi chín nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 04/9/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, anh Đ chị P còn phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 21/21/HĐCV-9340 ngày 25/12/2021 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/21/21/HĐCV-93340 ngày 28/12/2021.

2.2 T1 hợp anh Đ chị P không thanh toán trả được toàn bộ các khoản nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản thế chấp gồm:

+ Tài sản thứ 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh hoặc có liên quan đến thửa đất ô số 05; Tờ bản đồ theo Sơ đồ phân lô khu đấu giá QSD đất; Địa chỉ thửa đất: xã Phùng X, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội – nay là xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội; Diện tích: 75 m² (Bằng chữ: Bảy mươi lăm mét vuông); Hình thức sử dụng: Riêng: 75 m², chung: 0 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận cho tặng QSD đất; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 407200. Số vào sổ cấp GCN: 35067 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/03/2015 đứng tên chủ sử dụng là bà Đặng Thị L.

+ Tài sản thứ 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lợi ích phát sinh hoặc có liên quan đến thửa đất ô số 04; Tờ bản đồ theo sơ đồ phân lô khu đấu giá QSD đất; Địa chỉ thửa đất: xã Phùng X, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội – nay là xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội; Diện tích: 75 m² (Bằng chữ: Bảy mươi lăm mét vuông); Hình thức sử dụng: Riêng: 75 m², chung: 0 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận cho tặng QSD đất; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 407554. Số vào sổ cấp GCN: 35066 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/03/2015 đứng tên chủ sử dụng là bà Đặng Thị L.

+ Tài sản thứ 3: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lợi ích phát sinh hoặc có liên quan đến thửa đất ô số 06; Tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô khu đấu giá QSD đất; Địa chỉ thửa đất: xã Phùng X, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội – nay là xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội; Diện tích: 75 m² (Bằng chữ: Bảy mươi lăm mét vuông); Hình thức sử dụng: Riêng: 75 m², chung: 0 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận cho tặng QSD đất; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH

222824. Số vào sổ cấp GCN: CS-MĐ 02936 do Sở Tài nguyên và Môi T1, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2017 đứng tên chủ sử dụng là bà Đặng Thị L.

+ Tài sản thứ 4: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lợi ích phát sinh hoặc có liên quan đến thửa đất số 45 ô số 20; Tờ bản đồ theo Sơ đồ phân lô khu đấu giá QSD đất; Địa chỉ thửa đất: Ao lò gạch cũ vùng 3, thôn Hạ, xã Phùng X, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội – nay là xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội. Diện tích: 75 m² (Bằng chữ: Bảy mươi lăm mét vuông); Hình thức sử dụng: Riêng: 75 m², chung: 0 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận cho tặng QSD đất; Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 237273. Số vào sổ cấp GCN: 48028 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/7/2015 đứng tên chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị P Thủy.

T1 hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Đ chị P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2.3 Về án phí:

- Ghi nhận việc anh Trịnh Ngọc Đ chị Nguyễn Thị Hồng P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 51.880.992 đồng (*Năm mươi một triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*).

- Trả lại Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam 50.302.968 đồng (*Năm mươi triệu ba trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002259, ngày 27/7/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. T1 hợp Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Phong